



PHỤ LỤC 17

(Kèm theo Thông tư số 28/2010/TT-BCT ngày 28 tháng 6 năm 2010 của Bộ Công Thương)

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT PACLOBUTRAZOL 95 %

Phiếu an toàn hóa chất	Logo của doanh nghiệp
Số CAS: 76738-62-0 Số UN: Số đăng ký EC: 266-325-7 Số chỉ thị nguy hiểm của các tổ chức xếp loại (nếu có) Số đăng ký danh mục Quốc gia khác (nếu có):	 

I. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT

Tên thường gọi của chất: Paclobutrazol 95 %	Mã sản phẩm (nếu có)
Tên thương mại: Paclobutrazol 95 %	
Tên khác (không là tên khoa học):	
Tên nhà cung cấp hoặc nhập khẩu, địa chỉ:	Địa chỉ liên hệ trong trường hợp khẩn cấp: CÔNG TY TNHH TM DV XNK KHÁNH AN SÀI GÒN 30/17 Đường HT31, KP01, p.Hiệp Thành, Quận 12, TP HCM Điện thoại: (08).6683.3399 – 6683.4499
Tên nhà sản xuất và địa chỉ:	
Mục đích sử dụng: trên cây ăn quả để ức chế tang trưởng thực vật và để cải thiện đậu trái	

II. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT

Thành phần	Số CAS	Công thức hóa học	Hàm lượng (% theo trọng lượng)
Diamon photphat	76738-62-0	C ₁₅ H ₂₀ ClN ₃ O	

III. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT

<p>1. Mức xếp loại nguy hiểm (theo số liệu hợp lệ có sẵn của các quốc gia, tổ chức thử nghiệm. Ví dụ: EU, Mỹ, OSHA...):</p> <p>GHS: không có dữ liệu NFPA: H2 F0 R1 HMIS: H2 F0 R1 E</p> <p>2. Cảnh báo nguy hiểm</p> <ul style="list-style-type: none">- Sản phẩm là không tự cháy.- Lưu ý khi tiếp xúc, bảo quản, sử dụng: tránh tiếp xúc trực tiếp với mắt và da. <p>3. Các đường tiếp xúc và triệu chứng</p> <ul style="list-style-type: none">- Đường mắt: Có thể gây kích ứng khi tiếp xúc- Đường thở: có thể gây kích ứng với đường hô hấp
--

- Đường da: tiếp xúc kéo dài có thể gây ra một số kích thích.
- Đường tiêu hóa: đau bụng, cảm giác nóng rát, sốc và bất tỉnh, số lượng nhỏ không có khả năng gây ra hiệu ứng độc hại, số lượng lớn có thể dẫn đến rối loạn dạ dày-ruột.

IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

1. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường mắt (bị văng, dây vào mắt):

Rửa mắt với số lượng lớn nước cho ít nhất 15 phút. Nếu kích thích vẫn còn tồn tại, nhờ sự **chăm sóc y tế**.

2. Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da (bị dây vào da)

Nhanh chóng thay quần áo và giày dép bảo hộ, rửa vùng da bị tiếp xúc với thật nhiều nước. sau đó đến **chăm sóc y tế**.

3. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp (hít thở phải hóa chất nguy hiểm dạng hơi, khí)

Nếu nạn nhân còn tỉnh táo cho uống sữa hoặc nước. Không cho uống bất cứ thứ gì khi nạn nhân đã bị bất tỉnh. Đến **chăm sóc y tế** ngay.

4. Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa (ăn, uống nuốt nhầm hóa chất): Di chuyển nạn nhân đến nơi thoáng khí. Nếu không thể thở thì phải hô hấp nhân tạo. Khi thở gặp khó khăn cho thở oxi và đến ngay cơ quan y tế.

5. Lưu ý đối với bác sĩ điều trị (nếu có)



V. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

1. Xếp loại về tính cháy (dễ cháy, rất dễ cháy hoặc cực kỳ dễ cháy, không cháy, khó cháy...):

2. Sản phẩm tạo ra khi bị cháy

3. Các tác nhân gây cháy, nổ (tia lửa, tĩnh điện, nhiệt độ cao, va đập, ma sát ...)

4. Các chất dập cháy thích hợp và hướng dẫn biện pháp chữa cháy, biện pháp kết hợp khác

Sử dụng các bình chữa cháy thông thường

5. Phương tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy

Sử dụng dụng cụ thở khép kín.

6. Các lưu ý đặc biệt về cháy, nổ (nếu có)

VI. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

Tránh tiếp xúc với da. Thu gom hóa chất cho vào túi nhựa. Không tái sử dụng được có thể được xử lý trong nơi qui định. Tránh làm tăng bụi. Thông gió khu vực và rửa thật kỹ nơi hóa chất bị rơi đổ.

VII. YÊU CẦU VỀ CÁT GIỮ

1. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm (thông gió, chi dùng trong hệ thống kín, sử dụng thiết bị điện phòng nổ, vận chuyển nội bộ...)

- Tránh tiếp xúc trực tiếp, tiếp xúc phải có trang bị bảo vệ cá nhân (kính che mắt, khẩu trang lọc bụi hoá chất, găng tay ...).

- Thông gió, hút bụi khi thao tác

2. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản (nhiệt độ, cách sắp xếp, các hạn chế về nguồn gây cháy, nổ, các chất cần tránh bảo quản chung...)

- Bao bì phải bền, kín khí. Không để chung với các chất xung khắc. Không để lẫn với thực phẩm và các đồ dùng ăn uống .

- Nơi lưu chứa phải thoáng mát , khô ráo, có dấu hiệu cảnh báo hoá chất nguy hiểm.

VIII. TÁC ĐỘNG LÊN NGƯỜI VÀ YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

1. Các biện pháp hạn chế tiếp xúc cần thiết (thông gió hoặc biện pháp giảm nồng độ hơi, khí trong khu vực làm việc, các biện pháp cách ly, hạn chế thời giờ làm việc ...)

- Khi vào kho phải làm thông thoáng kho, tiếp xúc phải có trang bị bảo vệ cá nhân, không ăn uống hút thuốc khi làm việc.

- Trang bị bảo vệ cá nhân, phương tiện làm việc phải làm sạch trước và sau khi sử dụng.

2. Các phương tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc

- Bảo vệ mắt: kính che mắt, khẩu trang lọc bụi hoá chất, mặt nạ lọc bụi hoá chất.

- Bảo vệ thân thể: quần áo bảo hộ lao động

- Bảo vệ tay: găng cao su, nhựa không thấm nước.

- Bảo vệ chân: giày, ủng không thấm nước.

3. Phương tiện bảo hộ trong trường hợp xử lý sự cố

- Phương tiện bảo hộ cá nhân

- Hệ thống thông gió

4. Các biện pháp vệ sinh (tắm, khử độc...)



IX. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT

Trạng thái vật lý: rắn	Điểm sôi ($^{\circ}\text{C}$): không phù hợp
Màu sắc: Màu trắng	Điểm nóng chảy ($^{\circ}\text{C}$): 165-166 $^{\circ}\text{C}$
Mùi đặc trưng: Không mùi	Điểm bùng cháy ($^{\circ}\text{C}$) (Flash point) theo phương pháp xác định: 232.6 $^{\circ}\text{C}$
Áp suất hóa hơi (mm Hg) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn:	Nhiệt độ tự cháy ($^{\circ}\text{C}$): chưa có thông tin
Tỷ trọng hơi (Không khí = 1) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn : chưa có thông tin	Giới hạn nồng độ cháy, nổ trên (% hỗn hợp với không khí): không phù hợp
Độ hòa tan trong nước:	Giới hạn nồng độ cháy, nổ dưới (% hỗn hợp với không khí): không phù hợp
Độ PH :	Tỷ lệ hóa hơi: chưa có thông tin
Khối lượng riêng (kg/m^3):	Các tính chất khác nếu có

X. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG HOẠT ĐỘNG CỦA HÓA CHẤT

1. Tính ổn định (độ bền nhiệt, độ nhạy với tác nhân ma sát, va đập...): ổn định

2. Khả năng phản ứng:

- Phản ứng phân hủy và sản phẩm của phản ứng phân hủy:

- Không có khả năng phản ứng với các vật liệu thông thường

- Các chất có phản ứng sinh nhiệt, khí độc hại, các chất không bảo quản chung

- Phản ứng trùng hợp: chưa có thông tin

XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Tên thành phần	Loại ngưỡng	Kết quả	Đường tiếp xúc	Sinh vật thử
----------------	-------------	---------	----------------	--------------

chuyên hàng nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; - Nghị định số 29/2005/NĐ-CP ngày 10/3/2005 của CP quy định Danh mục hàng hóa nguy hiểm và việc vận tải hàng hóa nguy hiểm trên đường thủy nội địa.						
Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm quốc tế của EU, USA...						Chưa có thông tin

XV. QUY CHUẨN KỸ THUẬT VÀ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT PHẢI TUÂN THỦ

- 1. Tình trạng khai báo, đăng ký ở các quốc gia khu vực trên thế giới (liệt kê các danh mục quốc gia đã tiến hành khai báo, tình trạng khai báo) :** chưa có thông tin
- 2. Phân loại nguy hiểm theo quốc gia khai báo, đăng ký**
- 3. Quy chuẩn kỹ thuật tuân thủ**

XVI. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC

Ngày tháng biên soạn Phiếu: 10-12-2015
Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 30-03-2017
Tên tổ chức, cá nhân soạn thảo: Công ty TNHH TM DV XNK Khánh An Sài Gòn

Lưu ý người đọc:

Những thông tin trong Phiếu an toàn hóa chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hóa chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn.

Hóa chất nguy hiểm trong Phiếu này có thể có những tính chất nguy hiểm khác tùy theo hoàn cảnh sử dụng và tiếp xúc

TM CÔNG TY TNHH TM DV XNK KHÁNH AN SÀI GÒN

Giám Đốc

